TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẠ LONG** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09-8-2024
"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Huề và ông Nguyễn Văn Kền

- Thư ký phiên tòa: ông Triệu Sinh Thuỷ, là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa: bà Phạm Kim Phượng, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 352/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023, về "Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83A/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 118A/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024; Thông báo thay đổi lịch xét xử ngày 16/7/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Lưu Thị Q, sinh năm 1987; nơi cư trú: thôn Đ, xã V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: số nhà I, tổ D, khu A, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: anh Lục Văn T, sinh năm 1976; nơi cư trú: thôn Đ, xã V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lưu Thị Q trình bày:

Về tình cảm: chị Lưu Thị Q và anh Lục Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008, từ đó đến nay chị và anh T chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống với nhau đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã và thỉnh thoảng có xô xát. Do mẫu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị Q đã chuyển đến địa chỉ: số nhà I, tổ D, khu A, phường G, thành phố H sinh sống. Đến nay, chị Q thấy không thể tiếp tục chung sống với

anh T được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Lục Văn T.

Tuy nhiên, sau khi nhận được Thông báo của Toà án thì chị mới biết là chị và anh Lục Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nên, chị Q thay đổi yêu cầu khởi kiện từ yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng thành đề nghị Toà án giải quyết cho chị Q được ly hôn với anh Lục Văn T.

Về con chung: chị Q và anh T có 02 con chung là Lục Thị Thu H, sinh ngày 01/4/2008 và Lục Gia B, sinh ngày 10/3/2011. Sau khi chị chuyển đi nơi khác sinh sống thì hai con chung đều ở với anh T. Do đó, tại Đơn khởi kiện và bản tự khai chị Q có quan điểm đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Q sẽ cấp dưỡng nuôi con chung Lục Thị Thu H và Lục Gia B, mỗi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Tuy nhiên, tại đơn đề nghị ngày 03/3/2024, chị Q thay đổi yêu cầu khởi kiện đề nghị Toà án giao con chung Lục Thị Thu H cho chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Lục Gia B cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Q không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Lục Văn T: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, các Giấy triệu tập, Thông báo về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định pháp luật nhưng anh T không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có quan điểm về việc giải quyết vụ án gửi cho Toà án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật;

+ Các đương sự: nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng không tham gia tố tụng tại Tòa án. Do vậy, anh T đã cố tình vắng mặt là vi phạm về quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị Q: xử cho chị Lưu Thị Q ly hôn với anh Lục Văn T.

Về con chung: giao con chung Lục Thị Thu H, sinh ngày 01/4/2008 cho chị Q được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Lục Thị Thu H thành niên (đủ 18 tuổi); giao con chung Lục Gia B, sinh ngày 10/3/2011 cho anh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Lục Gia B thành niên (đủ 18 tuổi); về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Q không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: chị Q không đề nghị giải quyết, nên không xét.

* Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án:

Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập gồm: Văn bản ngày 29/02/2024 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (bản chính); Sổ đăng ký kết hôn mở ngày 05/01/2007, khóa ngày 08/11/2010 (bản phô tô có đóng dấu giáp lai của Ủy ban nhân dân xã B); Biên bản xác minh ngày 22/3/2024;

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: 01 Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (bản chính), 01 căn cước công dân (bản sao), 02 Giấy khai sinh (bản sao), 01 Xác nhận thông tin về cư trú (bản chính).

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn giao nộp: không có.

* Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: về việc chị Q và anh T đăng ký kết hôn hợp pháp; về con chung.

* Nội dung các đương sự đã thỏa thuận thống nhất được: không.

* Nội dung các đương sự không thống nhất được: toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các nội dung trình bày, yêu cầu của đương sự; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị Q về "Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con", sau đó chị Q thay đổi yêu cầu khởi kiện: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", bị đơn có nơi cư trú tại thành phố H. Nên, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân thành phố

Hạ Long thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền.

[1.2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/11/2024, chị Q đề nghị Tòa án giải quyết: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Q và anh T, do chị và anh T chung sống với nhau không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền (kèm theo đơn khởi kiện có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã V: từ ngày 01/4/2008 đến ngày 24/10/2023, chị Lưu Thị Q sống chung như vợ chồng với anh Lục Văn T, sinh năm 1976 tại: thôn Đ, xã V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn).

Quá trình giải quyết vụ án chị Lưu Thị Q có lời khai thể hiện trước khi chuyển đến địa chỉ thôn Đ, xã V, thành phố H sinh sống thì chị thường trú tại: thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Ngày 22/02/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long gửi Công văn số 85/CV-TA ngày 22/02/2024 cho Ủy ban nhân dân xã B. Ngày 01/3/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long nhận được Công văn ngày 29/02/2024 và Sổ đăng ký kết hôn (mở ngày 05/01/2007, khóa ngày 08/11/2010) của Ủy ban nhân dân xã B, thể hiện: anh Lục Văn T, sinh năm 1976, nơi thường trú: Đ, Vũ O, H, Quảng Ninh và chị Lưu Thị Q, sinh năm 1987, nơi thường trú: thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B ngày 18/01/2007.

Ngày 03/3/2024, chị Q và anh T được Tòa án thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ, chị Q đã có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện từ "*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*" thành "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" (nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải).

Việc chị Q thay đổi yêu cầu khởi kiện như nêu trên đảm bảo quy định tại khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71 và Điều 188 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Đối với việc tống đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập cho anh T thì Toà án đã lập biên bản giao cho trưởng thôn và giao cho ông Lục Văn C (bố đẻ của anh T) và yêu cầu trưởng thôn, ông C cam kết giao lại tận tay ngay các văn bản tố tụng đó cho anh T, bảo đảm quy định về thủ tục cấp tống đạt, thông báo theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo đúng quy định.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

Về quan hệ hôn nhân: căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Lưu Thị Q, các tài liệu chứng cứ do chị Q cung cấp và Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định:

Chị Q và anh T kết hôn với nhau ngày 18/01/2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, hôn nhân giữa chị Q và anh T là hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Biên bản xác minh ngày 22/3/2024, tại thôn Đ, xã V, thành phố H thể hiện nội dung: chị Q và anh T sau khi kết hôn thì sinh sống tại thôn Đ, xã V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống với nhau hai anh chị có xảy ra mâu thuẫn, xô xát. Chị Q và anh T đã sống ly thân từ khoảng tháng 11 năm 2023 đến nay.

Ngoài ra, Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn anh Lục Văn T tham gia tố tụng nhưng anh T đều vắng mặt, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Q.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Q và anh T đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và việc anh T không chấp hành theo triệu tập của Tòa án thể hiện việc anh T coi thường pháp luật và không có thiện chí muốn bảo vệ quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Q. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q: xử cho chị Q ly hôn với anh T.

Về con chung: căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: chị Q và anh T có 02 con chung là Lục Thị Thu H, sinh ngày 01/4/2008 và Lục Gia B, sinh ngày 10/3/2011. Chị Q đề nghị được quyền trực tiếp nuôi con chung Lục Thị Thu H và đề nghị giao con chung Lục Gia B cho anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh T đều không có mặt nên Tòa án không thể lấy được lời khai của bị đơn và bị đơn cũng không gửi văn bản cho Toà án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hơn nữa, tại Đơn trình bày nguyện vọng của cháu Lục Gia B thì cháu B có nguyện vọng ở với bố; đơn trình bày của cháu Lục Thị Thu H thì cháu H có nguyện vọng muốn ở với mẹ nếu bố mẹ các cháu ly hôn.

Trên cơ sở đánh giá toàn diện các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu về người trực tiếp nuôi con như nêu trên của nguyên đơn: cần giao con chung Lục Thị Thu H cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao con chung Lục Gia B cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Q không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: chị Q không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[3] Về án phí: chị Q phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về áp dụng pháp luật:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lưu Thị Q

Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Lưu Thị Q ly hôn với anh Lục Văn T.

Về con chung: giao con chung Lục Thị Thu H, sinh ngày 01/4/2008 cho chị Lưu Thị Q được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); giao con chung Lục Gia B, sinh ngày 10/3/2011 cho anh Lục Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Lưu Thị Q không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: chị Lưu Thị Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000206 ngày 16/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lưu Thị Q có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Lục Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tp Hạ Long;
- Chi cục THA Dân sự tp Hạ Long;
- UBND xã Biển Động, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Ngọc An